

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ VĨNH DIỆN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học :2024**

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện

2. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
Điện thoại: 0833411956

Website: <https://thtovinhdien.pgdtptdienbienphu.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

- Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

- Giá trị cốt lõi của nhà trường: Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan; Tập trung vào kết quả và con người.

- Giá trị văn hóa của nhà trường: Phát huy truyền thống; Tự trọng, tự hào, tự tin, khát vọng vươn lên; Khả năng thích ứng; Khả năng đổi mới và hội nhập.

- Mục tiêu: Xây dựng trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện theo mô hình “**trường học hạnh phúc**” với các tiêu chí “Yêu thương, an toàn, tôn trọng”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện được thành lập năm 1995 theo quyết định số 439/QĐ-UB-TC quyết định của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10 tháng 8 năm 1995

Trải qua 28 năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện với sự quan tâm, chăm lo đầy trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân, cấp ủy, chính quyền địa phương, hội cha mẹ HS, con em địa phương, đặc biệt là sự cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên trong quản lý, giảng dạy và học tập của đội ngũ CBQL, GV, NV và các thế hệ HS đã từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong sự nghiệp GD và đào tạo chung của các trường trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và của tỉnh Điện Biên. Tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có khuôn viên đẹp, với tổng diện tích rộng 2.999,7 m² được cấp có thẩm quyền cấp phép sử dụng đất lâu dài, với 30 phòng học kiên cố,

có đủ các phòng chức năng, khu hiệu bộ, có đầy đủ khu sân chơi bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động. Các phòng học, phòng bộ môn, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng khá tốt điều kiện giảng dạy và học tập cho GV và HS.

Nhà trường có 40 CB, GV, NV (trong đó 03 CBQL, 33 GV, 04 NV). 100% CBQL, GV, NV có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, có 33 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường, 11 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp TP, 02 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh.

Tổng số 765 HS, chất lượng giáo dục ngày một tăng. Tỷ lệ HS Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện đạt trên 40%; Hoàn thành tốt trên 35%; học sinh chuyển lớp các năm đạt 99,96% trở lên. Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm đều đạt 100%.

Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng, thi giáo viên giỏi cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Cuối mỗi năm học, CBQL, GV, NV đều tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được, trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng GDĐT thành phố Điện Biên Phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ và lãnh đạo nhà trường, sự nỗ lực của đội ngũ CBGVNV và HS; Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện đã đạt được nhiều kết quả cao trong các hoạt động và phong trào thi đua của ngành. Nhiều năm qua nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐXS; UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Năm học 2019 - 2020 nhà trường vinh dự được thủ tướng chính phủ tặng Bằng Khen, Bộ Giáo dục và đào tạo tặng cờ thi đua.. Công đoàn được LĐLĐ thành phố tặng Giấy khen. Chi bộ nhà trường liên tục là chi bộ “Trong sạch vững mạnh” được Đảng ủy phường Tân Thanh tặng giấy khen nhiều năm liền. Nhiều cá nhân được UBND tỉnh, LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng bằng khen.

Đặc biệt với mục tiêu đổi mới toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, thầy và trò trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện đã không ngừng lao động sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng nhà trường là một điểm sáng về công tác giáo dục để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW của trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Đỗ Thị Như Hoa. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0833411956

Địa chỉ trang thông tin điện tử: nhuhoant78@gmmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 439/QĐ-UB-TC quyết định của UBND tỉnh Lai Châu ngày 10 tháng 8 năm 1995 (nay là tỉnh Điện Biên).

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện được thành lập theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc kiện toàn Hội đồng các Trường Tiểu học thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2023- 2028., gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Bích	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Thị Tuyết Đông	P.Hiệu trưởng	P.chủ tịch HĐ
3	Đào Lê Thuỳ Dung	PCT UBND phường	P.chủ tịch HĐ
4	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	Thư kí
5	Hoàng Lan Hương	P.Hiệu trưởng	Thành viên
6	Tạ Thị Nành	Tổ trưởng CM khối 1	Thành viên
7	Vũ Thị Huế	Tổ trưởng CM khối 2+3	Thành viên
8	Trần Thị Hiền Lương	Tổ trưởng CM khối 4+5	Thành viên
9	Đoàn Thị Nguyệt	Tổng Phụ trách Đội	Thành viên
10	Bùi Thị Nhung	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
11	Tô Văn Trường	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện là trường hạng I, có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đảm bảo đủ cơ cấu cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Trường Tiểu học và thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT, thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

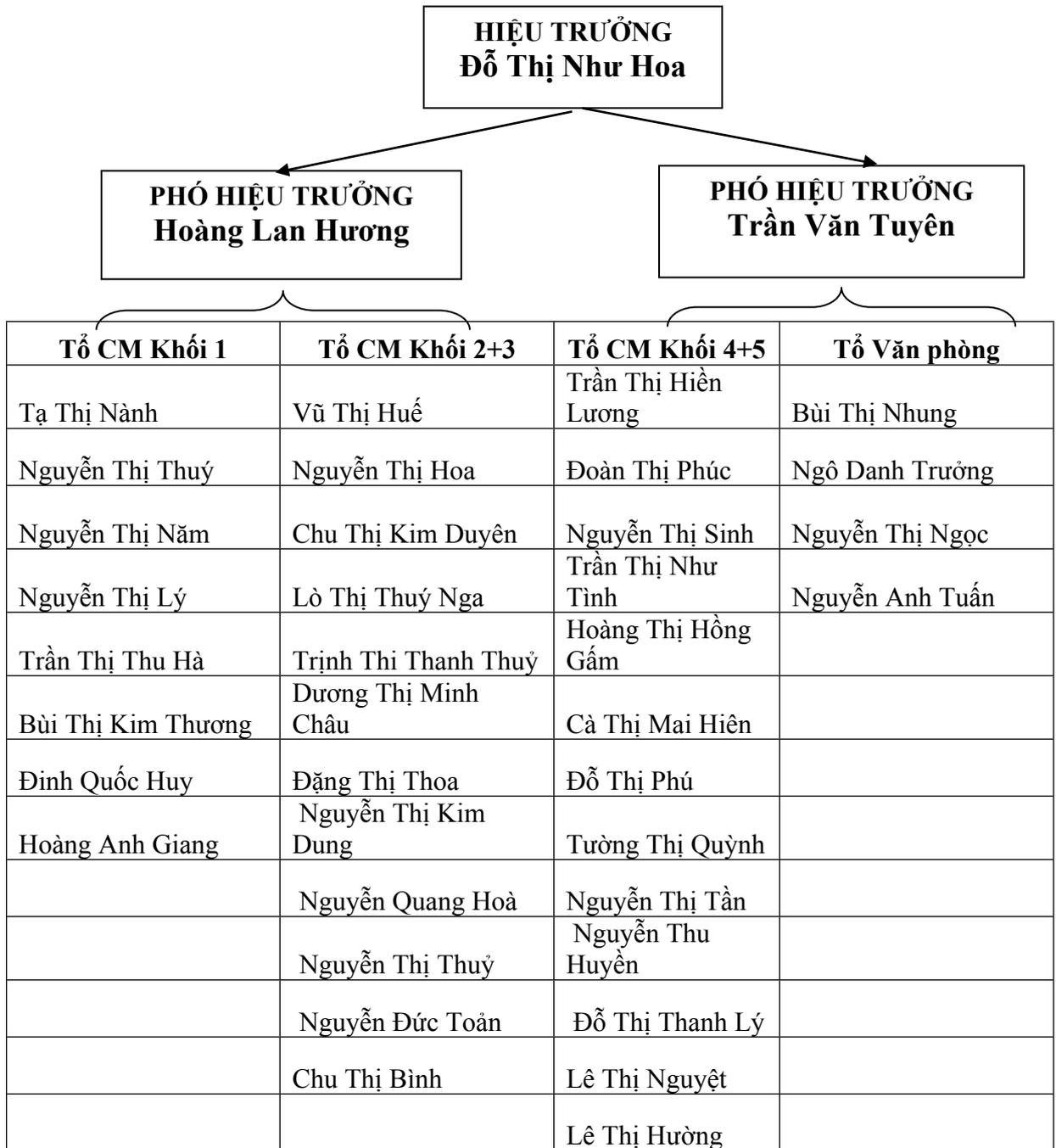
- Hiệu trưởng: Đỗ Thị Như Hoa được điều động và bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 21007/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024 UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Hoàng Lan Hương được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số Quyết định số 330/QĐUBND ngày 23tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Trần Văn Tuyên được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 1842/QĐUBND ngày ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

**e) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo của cơ sở giáo dục:**

- Họ và tên: Đỗ Thị Như Hoa. Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0833411956

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành

kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định; Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản; Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần (Môn Đạo đức lớp 5a1, 5a2); Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng; Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học; Trực tiếp tiếp công dân ,phụ trách tổ văn phòng.

- Họ và tên: Hoàng Lan Hương. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Điện thoại: 0829166168

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 05, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn chung, phụ trách chuyên môn khối 1,2,3; Phụ trách bán trú, công đoàn, Đoàn, Công tác Đội; Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS; Chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra nội bộ trường học tổ 1,2,3,4,5; Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 1,2,3,4,5. Tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường; Duyệt tin bài của các tổ. Quản lý và đăng nội dung tin trên Facebook nhà trường sau khi được hiệu trưởng duyệt; Chịu trách nhiệm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua của nhà trường; Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền; Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách; Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; Tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần (Giáo dục địa phương lớp 1a1,1a2).

- Họ và tên: Trần Văn Tuyên. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Điện thoại: 0979336717

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 05, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn khối 4,5; Phụ trách lao động, vệ sinh, CSVC, thư viện thiết bị, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học, phổ cập, thống kê, công nghệ thông tin, trang Website của nhà trường; công tác khuyến học, chữ thập đỏ; Chịu trách nhiệm về hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ trường học; Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 4,5; Phụ trách các cuộc thi qua mạng; Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền; Kí duyệt các báo cáo, kí

3	Văn thư	0								
4	Thủ quỹ	0								
5	Kế toán	1	1							
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2		1	2					
1	Y tế học đường	1			1					
2	Nhân viên Bảo vệ	1		1	1					
3	Nhân viên Phục vụ	0			0					
	Cộng (I+II=III+IV)	40	4	34	2	36	0	0	36	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2.999,7	3.920 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.000	1,307 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	35	1,01m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	35	0,05 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	35	0,06 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	35	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30	0,03 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học	25	8 m ² / HS

	<i>sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>		
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	25	0,05 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	21	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21	
1.1	Khối lớp 1	4	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	4	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	4	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	4	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	5	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	23	1máy /1 lớp
5	Máy phô tô	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính	7	
8	Máy chiếu vật thể	15	1 máy / 2 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	60
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,04 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

Mức 1: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 19/19 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 3/5 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 60%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 431/QĐ-SGDĐT ngày 12/7/2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

a) Số lớp, số học sinh cụ thể như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	HS K. tật	HS học 2 buổi/ngày	Chuyển trường	
							Chuyển đến	Chuyển đi
K1	4	138	66	12	1	138		
K2	4	135	51	16	1	135		
K3	4	152	68	13	2	152		
K4	4	153	77	11	1	153		
K5	5	178	78	11	3	257		
TS	21	756	349	63	8	756		

b) Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Các môn học và hoạt động giáo dục

Chất lượng giáo dục:

Khối lớp		Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		756		138		135		152		153		178	
HS Khuyết tật		8		1		1		2		1		3	
HS được đánh giá		749		137		134		150		152		176	
Môn học	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	HTT	532	71	99	72,3	95	70,9	122	81,3	120	78,9	96	54,5
	HT	217	29	38	27,7	39	29,1	28	18,7	32	21,1	80	45,5
	CHT		0		0		0		0		0		0
Toán	HTT	507	67,7	103	75,2	95	70,9	119	79,3	104	68,4	86	48,9
	HT	242	32,3	34	24,8	39	29,1	31	20,7	48	31,6	90	51,1
	CHT		0		0		0		0		0		0
Ngoại ngữ	HTT	554	74	101	73,7	115	85,8	125	83,3	117	77	96	54,5
	HT	195	26	36	26,3	19	14,2	25	16,7	35	23	80	45,5
	CHT		0		0		0		0		0	176	100
Đạo đức	HTT	691	92,3	123	89,8	127	94,8	146	97,3	139	91,4	156	88,6
	HT	58	7,74	14	10,2	7	5,22	4	2,67	13	8,55	20	11,4
	CHT		0		0		0		0		0		0
TN&XH	HTT	373	88,6	115	83,9	118	88,1	138	92		0		0
	HT	48	11,4	22	16,1	16	11,9	12	8		0		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Khoa học	HTT	268	81,7		0		0		0	128	84,2	140	79,5
	HT	60	18,3		0		0		0	24	15,8	36	20,5
	CHT		0		0		0		0		0		0
Lịch sử-Địa lý	HTT	261	79,6		0		0		0	123	80,9	138	78,4
	HT	67	20,4		0		0		0	29	19,1	38	21,6
	CHT		0		0		0		0		0		0
Âm nhạc	HTT	651	86,9	109	79,6	120	89,6	138	92	132	86,8	152	86,4
	HT	98	13,1	28	20,4	14	10,4	12	8	20	13,2	24	13,6
	CHT		0		0		0		0		0		0
Mĩ Thuật	HTT	647	86,4	111	81	116	86,6	138	92	131	86,2	151	85,8
	HT	102	13,6	26	19	18	13,4	12	8	21	13,8	25	14,2
	CHT		0		0		0		0		0		0
GDTC	HTT	678	90,5	116	84,7	122	91	140	93,3	140	92,1	160	90,9
	HT	71	9,48	21	15,3	12	8,96	10	6,67	12	7,89	16	9,09
	CHT	749	100	137	100	134	100	150	100	152	100	176	100

Công nghệ	HTT	254	84,4		0		0	130	86,7	121	79,6		0
	HT	47	15,6		0		0	20	13,3	31	20,4		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Kỹ thuật	HTT	156	88,6		0		0		0		0	156	88,6
	HT	20	11,4		0		0		0		0	20	11,4
	CHT		0		0		0		0		0		0
HĐTN	HTT	520	90,8	119	86,9	123	91,8	143	95,3	135	88,8		0
	HT	53	9,25	18	13,1	11	8,21	7	4,67	17	11,2		0
	CHT		0		0		0		0		0		0
Tin học	HTT	406	90,6		0		0	131	87,3	128	84,2	147	83,5
	HT	72	16,1		0		0	19	12,7	24	15,8	29	16,5
	CHT		0		0		0		0		0		0

*** Năng lực:**

Khối 1, 2, 3, 4

Khối lớp		Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
Tổng số học sinh		578		138		135		152		153	
<i>HS Khuyết tật</i>		5		1		1		2		1	
<i>HS được đánh giá</i>		573		137		134		150		152	
Năng lực chung	MĐĐ	<i>SL</i>	<i>%</i>								
1. Tự chủ và tự học	Tốt	509	88,1	119	86,2	115	85,2	141	92,8	134	87,6
	Đạt	64	11,1	18	13	19	14,1	9	5,9	18	11,8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	523	90,5	119	86,2	129	95,6	140	92,1	135	88,2
	Đạt	50	8,7	18	13	5	3,7	10	6,6	17	11,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	487	84,3	110	79,7	110	81,5	134	88,2	133	86,9
	Đạt	86	14,9	27	19,6	24	17,8	16	10,5	19	12,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Năng lực đặc thù		<i>SL</i>	<i>%</i>								
1. Ngôn ngữ	Tốt	501	87	120	87,6	120	90	133	89	128	84,2
	Đạt	72	13	17	12,4	14	10	17	11	24	15,8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tính toán	Tốt	475	83	106	77,4	113	84	129	86	127	83,6
	Đạt	98	17	31	22,6	21	16	21	14	25	16,4

	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	508	89	115	83,9	121	90	138	92	134	88,2
	Đạt	65	11	22	16,1	13	9,7	12	8	18	11,8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Công nghệ	Tốt	277	92					141	94	136	89,5
	Đạt	25	8,3					9	6	16	10,5
	CCG	0	0					0	0	0	0
5. Tin học	Tốt	272	90					136	91	136	89,5
	Đạt	30	9,9					14	9,3	16	10,5
	CCG	0	0					0	0	0	0
6. Thẩm mỹ	Tốt	521	91	117	85,4	129	96	138	92	137	90,1
	Đạt	52	9,1	20	14,6	5	3,7	12	8	15	9,87
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Thể chất	Tốt	533	93	119	86,9	129	96	143	95	142	93,4
	Đạt	40	7	18	13,1	5	3,7	7	4,7	10	6,58
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối 5:

Khối lớp		Khối 5	
TS học sinh		178	
HS Khuyết tật		3	
HS được đánh giá		176	
Năng lực	MĐĐ	SL	%
Tự phục vụ, tự quản	Tốt	161	91,5
	Đạt	15	8,5
	CCG	0	0
Hợp tác	Tốt	143	81,3
	Đạt	33	18,7
	CCG	0	0
Tự học và giải quyết vấn đề	Tốt	135	76,7
	Đạt	41	23,3
	CCG	0	0

*** Phẩm chất:****Khối 1, 2, 3, 4:**

Khối lớp		Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
Tổng số HS		578		138		135		152		153	
HS Khuyết tật		5		1		1		2		1	
HS được đánh giá		573		137		134		150		152	
Phẩm chất	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%

1. Yêu nước	Tốt	573	100	137	100	134	100	150	100	152	100
	Đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	Tốt	560	97,7	135	98,5	132	98,5	145	96,7	148	97,4
	Đạt	13	2,3	2	1,5	2	1,5	5	3,3	4	2,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	509	88,8	117	85,4	111	82,8	138	92	143	94,1
	Đạt	64	11,2	20	14,6	23	17,2	12	8	9	5,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	562	98,1	135	98,5	132	98,5	149	99,3	146	96,1
	Đạt	11	1,9	2	1,5	2	1,5	1	0,7	6	3,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	540	94,2	120	87,6	125	93,3	149	99,3	146	96,1
	Đạt	33	5,8	17	12,4	9	6,7	1	0,7	6	3,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* Khối 5:

Khối lớp		Khối 5	
TS học sinh		178	
HS Khuyết tật		3	
HS được đánh giá		176	
Phẩm chất	MĐĐ	SL	%
1. Chăm học, chăm làm	Tốt	141	80,1
	Đạt	35	19,9
	CCG	0	0
2. Tự tin, trách nhiệm	Tốt	155	88,1
	Đạt	21	11,9
	CCG	0	0
3. Trung thực, kỉ luật	Tốt	164	93,2
	Đạt	12	6,8
	CCG	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	Tốt	164	93,2
	Đạt	12	6,8
	CCG	0	0

* Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3, 4:

Khối lớp	TSHS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
1	138	137	45	32,8	53	38,7	39	28,5		

2	135	134	61	45,5	42	31,3	31	23,1		
3	152	150	64	42,7	58	38,7	28	18,7		
4	153	152	48	31,6	67	44,1	37	24,3		
Tổng	578	573	218	38	220	38,4	135	23,6	0	0

- Tỷ lệ học sinh chuyên lớp khối 1,2,3,4: 578/758 h/s, đạt 100%

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 178/178 đạt 100%.

- Khen thưởng cuối năm:

+ HS xuất sắc /Học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện (khối 5):
250 em = 45,1%.

+ Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện (khối 1,2,3,4)/Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện (khối 5): 260 em = 31,6%.

c) Số lượng học sinh hoàn thành CTTH:

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Đơn vị tính: Đồng			
STT	Chỉ tiêu	Năm Báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
	Số tiền tồn của năm trước chuyển sang	6,375,600	15,000,000
I	Tổng số thu	11,479,602,000	8,849,259,074
1	Nguồn ngân sách cấp	10,823,652,000	7,994,000,874
1.1	Nguồn chi thường xuyên	9,823,637,000	6,593,688,000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1,000,015,000	1,400,312,874
	Trong đó:- Mua sắm trang thiết bị dạy và học	722,980,000	240,000,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	26,035,000	23,100,000
	- Chi lương (Cải cách tiền lương)		1,137,212,874
	- Tiền thưởng	251,000,000	
2	Nguồn chi khác	655,950,000	855,258,200
	Nước uống+dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (thoả thuận)	115,630,000	122,421,320
	Tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2	273,420,000	489,572,400
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, tôn tạo cảnh quan môi trường	266,900,000	243,264,480
II	Tổng chi	11,480,445,560	8,856,534,658
1.1	Nguồn chi thường xuyên	9,818,337,000	6,593,688,000
	Tiền lương và các khoản theo lương	9,474,387,248	5,856,539,368
	Chi phí vật tự và công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	Chi hoạt động giáo dục	343,949,752	737,148,632
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	999,782,960	1,413,964,058
	Trong đó:- Mua sắm trang thiết bị dạy và học	722,832,960	240,000,000
	Hỗ trợ chi phí học tập	25,950,000	36,868,000
	Chi lương (Cải cách tiền lương)		1,137,096,058
	Tiền thưởng	251,000,000	

1.3	Nguồn chi khác	662,325,600	848,882,600
	Nước uống+dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (thoả thuận)	115,630,000	122,421,320
	Tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2	279,795,600	483,196,800
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, tôn tạo cảnh quan môi trường	266,900,000	243,264,480
III	Số tiền chuyển sang năm sau	0	6,375,600
IV	Hủy dự toán	5,532,040	1,348,816

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua:

Thực hiện hiệu quả cuộc vận động: Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XIII; Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức; các phong trào thi đua “Xây dựng trường tiểu học thân thiện, học sinh tích cực”, “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “ Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thành phố Điện Biên Phủ thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Chuyển đổi số” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; hưởng ứng Phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024), 115 năm thành lập tỉnh (28/6/1909 - 28/6/2024), 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949 - 10/10/2024)

2. Các hoạt động chuyên môn dạy và học

2.1. Kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn

- Nhà trường đã xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy.
- Triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt các nội dung lồng ghép; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho HS.
- Tổ chức dạy tin học, Tiếng Anh bắt buộc và Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2.
- 100% cán bộ, giáo viên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT. 100% cán bộ giáo viên tham gia chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch. BGH, GV chuyên, GV dạy lớp 5 hoàn thành nội dung tập huấn giới thiệu SGK lớp 5.
- Tổ chức tốt hội thi GVĐG cấp trường và tích cực tham gia thi GVĐG cấp TP, cấp tỉnh : Có 33 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp trường, có 11 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp TP, có 2 GV đạt danh hiệu GVĐG cấp tỉnh (Trong đó có 2 GV được SGD tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong Hội thi).
- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối trong trường và cụm trường. Tập trung vào các nội dung: Các tiết dạy thống nhất phương pháp theo SGK mới, giáo dục STEM,...

- Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt đề án 06: Thường xuyên cập nhật thông tin cán bộ, giáo viên, học sinh; thông tin cá nhân xác thực với CSDLQGDC trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia ngành Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện thanh toán theo phương thức không dùng tiền mặt. Kết quả 100% phụ huynh có tài khoản ngân hàng và thực hiện thanh toán bằng thẻ, 100% học sinh được hưởng chế độ chính sách đã được nhận tiền chế độ thông qua hình thức chuyển khoản.

2.2. Kết quả các cuộc thi:

- Cuộc thi giải toán qua Internet cấp trường: Tổng số có 283 em đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 07 em, giải nhì: 12 em, giải ba: 38 em, giải khuyến khích: 226 em. Cấp TP: 69 em đạt giải. Trong đó : 7 giải vàng, 12 giải bạc, 18 giải đồng, 32 giải KK. Cấp tỉnh có 115 đạt giải: vàng: 0, bạc: 10, đồng: 7, KK: 96. Cấp quốc gia: 05 giải khuyến khích.

- Cuộc thi tiếng Anh qua Internet Cấp trường: Tổng số có 192 em đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 17 em, giải nhì: 25 em, giải ba: 36 em, giải khuyến khích: 114 em. Cấp thành phố có 52 em đạt giải. Trong đó : giải nhất: 7, giải nhì: 13, giải ba: 17, giải KK: 15. Cấp tỉnh có 57 em đạt giải. Trong đó : giải nhất: 7, giải nhì: 14, giải ba: 14, giải KK: 22. Cấp quốc gia: 03 giải khuyến khích.

- Cuộc thi TNTV Cấp trường: Tổng số có 326 em đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 44 em, giải nhì: 64 em, giải ba: 85 em, giải khuyến khích: 98 em. Cấp TP: 155 em đạt giải. Trong đó: Nhất: 34, nhì: 35, ba: 36, KK: 50 . Cấp tỉnh có 48 HS đạt giải. Trong đó: Nhất: 6 , nhì: 16, ba: 19 , KK: 7

- Cuộc thi Viết chữ đẹp/ viết văn sáng tạo cấp trường: Tổng số có 248 em đạt giải. Trong đó: Giải nhất: 05 em, giải nhì: 32 em, giải ba: 47 em, giải khuyến khích: 164 em.

- Cuộc Thi Olympic Toán cấp trường: 47 giải. Trong đó: Nhất 4, nhì 4, ba 4, KK 35; Thi Olympic Tiếng Anh cấp trường: 66 giải. Trong đó: nhất 08, nhì 09, ba 15, KK 34.

- Thi Hội khỏe Phù Đổng cấp TP: Đạt 18 giải (5 giải nhất, 8 giải nhì, 5 giải ba) đạt giải nhất toàn đoàn; 01 HS đạt Huy chương đồng môn bơi HKPĐ cấp toàn quốc.

- Thi viết những kỷ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường mến yêu: 550 bài; Ý tưởng trẻ thơ: 346 bài; Viết thư quốc tế UPU: Cuộc thi vẽ tranh Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên hôm nay: 350 bài; vẽ tranh Sắc màu Điện Biên có 350 bài dự thi.

- Nhà trường đã tổ chức cho HS thi và trao thưởng các cuộc thi kéo co, thi vẽ tranh, thi hướng dẫn viên du lịch và thi trình diễn trang phục dân tộc.

- Thi bơi cấp TP: Đạt 5 giải (1 nhất, 2 nhì, 2 ba), đạt giải Ba toàn đoàn.

3. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục: Đăng tải kịp thời trên Zalo, Facebook, Website các nội dung tuyên truyền, tin bài về các hoạt động của nhà trường. Trong năm học có 35 tin bài đăng trên Website của trường và PGD.

Nội dung truyền thông tập trung vào: Công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, HS tựu trường, Lễ khai giảng, tuyên truyền về ATGT, Hội nghị CBVC, hiến máu nhân đạo, giao lưu với HS Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề hỗ trợ trẻ thiệt thòi, tổ chức trung thu cho học sinh. Thay SGK theo CT GDPT 2018; chào mừng 20/10, 20/11, 22/12; thi GVDG cấp trường, cấp thành phố; HKPD; các cuộc thi, HĐTN, các hoạt động chào mừng kỉ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Lễ hội hoa ban, năm du lịch quốc gia.... tuyên truyền về Luật trẻ em, Luật phòng chống ma túy và phòng chống tai nạn thương tích.

4. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn trường học, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

Nhà trường luôn chú trọng và thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Tổ chức cho 100% HS được khám sức khỏe định kì và uống thuốc tẩy giun.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh; chỉ đạo bộ phận y tế xây dựng và phổ biến đến giáo viên, nhân viên nhà trường về các phương án xử trí một số tai nạn thương tích thông thường; thường xuyên tuyên truyền và nhắc nhở học sinh vui chơi an toàn; thường xuyên kiểm tra các khu vực vui chơi, hệ thống điện, ... và kịp thời khắc phục nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác an toàn trường học, phòng cháy chữa cháy. 100% CBGVNV tham gia tập huấn trực tuyến về công tác PCCC; GV và HS đã tích cực tham gia tuyên truyền, trải nghiệm, thực hành chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Trong năm học chưa xảy ra tình trạng học sinh bị tai nạn thương tích, ngộ độc thực phẩm tại trường học.

5. Công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ trong nhà trường và công khai theo quy định.

Nhà trường thực tốt các nội dung kiểm tra nội bộ trường học theo đã xây dựng. Qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát huy được ưu điểm và khắc phục được các hạn chế, tồn tại của các bộ phận, cá nhân và đã góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ, phát huy được quyền dân chủ của CBGVNV trong các hoạt động của cơ quan.

Thực hiện nghiêm túc nội dung công khai theo quy định.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đỗ Thị Như Hoa

